

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 01 năm 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Ngô N, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Số nhà 12, ngõ 971, đường Lê Lợi, tổ dân phố Giáp Tiêu, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Căn hộ 506 Chung cư Bách Việt, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Anh Thân T, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT và nơi ở: Số nhà 12, ngõ 971, đường Lê Lợi, tổ dân phố Giáp Tiêu, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Ngô N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thân T kết hôn ngày 26/02/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2016, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng tới mức không thể hòa giải được. Do vậy vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu năm 2019 cho đến nay và không còn mối quan hệ gì về tình cảm, kinh tế. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thân T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Thân V, sinh ngày 05/01/2008 và Thân Thị A, sinh ngày 12/12/2013. Hiện nay cả 02 con chung đang ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay đang làm công nhân tại công ty cổ phần may Bắc Giang, thu nhập hàng tháng khoảng 12 triệu đồng. Chị đang ở tại địa chỉ Căn hộ 506 Chung cư Bách Việt, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, chị có chỗ ở ổn định. Chị khẳng định mình có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho cả 02 con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai anh Thân T trình bày: Anh và chị Ngô N kết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế; hiện vợ chồng đã ly thân về mặt tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh nhất trí ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Thân V, sinh ngày 05/01/2008 và Thân Thị A, sinh ngày 12/12/2013. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng chị N, ly hôn chị N xin nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2021 cháu Thân V, sinh ngày 05/01/2008 và cháu Thân Thị A, sinh ngày 12/12/2013 đều trình bày: Hiện nay cháu đang ở với chị N. Khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị N vì cháu thấy chị N có đủ điều kiện để nuôi cháu.

* Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2021 đại diện chính quyền tổ dân phố Giáp Tiêu, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang cung cấp: Chị N, anh T kết hôn năm 2007, trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay chị N và 02 con chung của chị N và anh T đã sinh sống ở nơi khác.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và các văn bản giải tờ khác cho anh T theo quy định pháp luật.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T có đơn từ chối hoà giải vì thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị N.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Thân T và chị Ngô N.

+ Về con chung: Giao cho chị Ngô N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Thân V, sinh ngày 05/01/2008 và Thân Thị A, sinh ngày 12/12/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Ngô N phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2007, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ý kiến trình bày của nguyên đơn là anh chị tự nguyện kết hôn, có giấy chị N và anh T phát sinh trong thời gian Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành. Hôn nhân của chị N và anh T phù hợp quy định pháp luật được coi là vợ chồng, hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T và chị N đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã trở lên trầm trọng và sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N do vậy Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh T, chị N có 02 con chung là Thân V, sinh ngày 05/01/2008 và Thân Thị A, sinh ngày 12/12/2013. Anh T, chị N đều nhất trí để chị N nuôi dưỡng cả 02 con chung và về điều kiện thì thấy chị N có thu nhập và chỗ ở ổn định nên cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Ngô N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thân T và chị Ngô N.

2.2. Về con chung: Giao cho chị Ngô N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Thân V, sinh ngày 05/01/2008 và Thân Thị A, sinh ngày 12/12/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Thân T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Thân T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

2.3. Về án phí: Chị Ngô N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001077 ngày 07/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hà